

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 18/2003/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2003

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 3/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 76/2000/NĐ-CP ngày 15/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật Khoáng sản (sửa đổi);

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản như sau:

I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài được phép độc quyền thăm dò khoáng sản trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Trong thông tư này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. Khoáng sản: là tài nguyên trong lòng đất, trên mặt đất dưới dạng những tích tụ tự nhiên khoáng vật, khoáng chất có ích ở thể rắn, thể lỏng, thể khí, hiện tại hoặc sau này có thể được khai thác.

Khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ mà sau này có thể khai thác lại cũng là khoáng sản.

b. Độc quyền thăm dò khoáng sản: Các tổ chức, cá nhân Việt Nam và người nước ngoài được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép là đơn vị duy nhất được toàn quyền tiến hành các hoạt động nhằm tìm kiếm, phát hiện, xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản, kỹ thuật khai thác kể cả việc lấy thử nghiệm mẫu công nghệ

và nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản trong một thời gian nhất định, trên một khu vực nhất định.

II- ĐỐI TƯỢNG THU VÀ MỨC THU

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài được phép độc quyền thăm dò khoáng sản phải nộp lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản theo quy định tại Thông tư này trừ những trường hợp không phải nộp sau đây:

- Các đơn vị sự nghiệp kinh tế của Nhà nước được Nhà nước giao nhiệm vụ thăm dò, tìm kiếm khoáng sản bằng nguồn vốn Ngân sách cấp.
- Yêu cầu sửa chữa, sai sót trong giấy phép độc quyền thăm dò khoáng sản do lỗi của người cấp phép.
- Xin gia hạn, trả lại giấy phép thăm dò hoặc trả lại từng phần diện tích thăm dò theo quyết định của Chính phủ.

2. Mức thu lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản:

TT	Năm	Mức thu (đồng/ km^2 /năm)
1	Năm thứ 1	300.000
2	Năm thứ 2	400.000
3	Năm thứ 3	550.000
4	Năm thứ 4 trở đi	700.000

Số tiền lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản phải nộp đối với mỗi giấy phép tính theo diện tích và thời gian ghi trên giấy phép (kể cả thời gian gia hạn của giấy phép).

Để đơn giản khi tính thu lệ phí đối với giấy phép được tính như sau:

- Giấy phép có thời hạn 12 tháng thì tính theo mức thu của năm thứ nhất.
- Giấy phép có thời hạn trên 12 tháng nhưng dưới 24 tháng thì:
 - + 12 tháng đầu tính theo mức thu năm thứ nhất.
 - + Các tháng còn lại tính theo mức thu năm thứ 2, nhưng nếu giấy phép có thời hạn dưới 18 tháng (còn lại 6 tháng trở xuống) tính bằng 1/2 mức thu cả năm, giấy phép có thời hạn trên 18 tháng thì tính bằng mức thu cả năm.

3. Lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản được thu bằng đồng Việt Nam, nếu tổ chức cá nhân có yêu cầu nộp bằng ngoại tệ thì phải quy đổi theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu lệ phí.

4. Lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản không phải chịu thuế.

III- TỔ CHỨC THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG

1. Cơ quan cấp phép độc quyền thăm dò khoáng sản có trách nhiệm tổ chức thu lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản.

2. Cơ quan cấp phép độc quyền thăm dò khoáng sản có trách nhiệm:

a. Niêm yết công khai tại trụ sở mức thu lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản.

b. Khi thu tiền lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản phải cấp cho người nộp tiền biên lai thu tiền do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) phát hành; biên lai thu tiền nhận tại Cục Thuế địa phương nơi có cơ quan cấp giấy phép độc quyền thăm dò khoáng sản đóng trụ sở và được quản lý, sử dụng theo quy định của Bộ Tài chính.

Cơ quan cấp phép độc quyền thăm dò khoáng sản phải mở tài khoản tiền thu lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch, riêng đối với số thu bằng tiền mặt thì hàng ngày hoặc chậm nhất 15 ngày một lần phải lập bảng kê, gửi tiền vào Kho bạc Nhà nước.

c. Đăng ký, kê khai, nộp lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản với cơ quan Thuế địa phương nơi đóng trụ sở.

d. Thực hiện thanh toán, quyết toán biên lai thu lệ phí và quyết toán thu nộp tiền lệ phí với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo mọi khoản thu, chi tiền lệ phí phải được phản ánh đầy đủ trong dự toán và quyết toán tài chính hàng năm của cơ quan cấp phép độc quyền thăm dò khoáng sản.

3. Cơ quan cấp phép độc quyền thăm dò khoáng sản được trích 30% trên tổng số tiền lệ phí thực thu trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để chi cho hoạt động thu lệ phí độc quyền thăm dò khoáng sản theo nội dung cụ thể sau:

- Chi tiền lương hoặc tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo tiền lương, tiền công theo chế độ hiện hành trả cho người lao động thuê ngoài trực tiếp